

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 08-4-2021

*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Dương Cao Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2020/TLST-DS ngày 05/11/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 10/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 31/3/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ông Dương Quyền Q**

Địa chỉ cư trú: đường N, khối phố 7, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị An; Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2020) – *Có mặt*

**Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc C**

Địa chỉ cư trú: đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quyền Q và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền bà Hoàng Thị A trình bày:***

Ngày 19/3/2019 ông Nguyễn Ngọc C ký kết hợp đồng vay tiền của ông Dương Quyền Q với số tiền 181.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng kể từ ngày 19/3/2019 đến 19/6/2019, lãi suất thỏa thuận theo quy định pháp luật. Hết hạn vay, ông Q nhiều lần yêu cầu ông C trả nợ nhưng ông C không trả. Ngày 10/10/2019, ông C viết giấy cam kết hẹn thanh toán cho ông Q cả gốc và lãi muộn nhất là ngày 20/10/2019 nhưng đến nay ông C vẫn chưa thanh toán. Vì vậy, ông Q khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán toàn bộ

nợ gốc 181.000.000đ, nợ lãi trong hạn 1,6%/tháng tương ứng số tiền 8.688.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 07/4/2021 là 48.944.000 đồng.

**- Tại Bản tự khai ngày 08/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc C trình bày:**

Trước năm 2019, ông Nguyễn Ngọc C có vay của bà Trần Thị T (mẹ anh Q) số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 4.000đ/1.000.000 đồng/ngày, mỗi tháng phải trả lãi 2.400.000 đồng. Đến ngày 19/3/2019, do ông C không có khả năng trả nợ nên anh Q đã tính cả gốc và lãi là 181.000.000 đồng rồi ép ông C ký vào hợp đồng vay tiền và 01 giấy cam kết trả nợ. Ông C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì tiền lãi ông C đã trả quá số tiền gốc 20.000.000 đồng mà ông đã vay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Quyền Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C thanh toán số tiền đã vay của ông Q theo Hợp đồng cho vay giữa ông Dương Quyền Q và ông Nguyễn Ngọc C. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Theo quy định tại điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Ngọc C.

[2] Về nội dung tranh chấp: “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 19/3/2019 và tờ giấy hẹn trả tiền gốc lãi đề ngày 10/10/2019 bị đơn thừa nhận do bị đơn viết và ký tên. Bị đơn trình bày ông bị ông Q ép viết chữ không tự nguyện nhưng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Xét “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” đề ngày 19/3/2019 có nội dung phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Tại Giấy cam kết trả nợ đề ngày 10/10/2019 thể hiện nội dung bị đơn cam kết trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn muộn nhất vào ngày 20/10/2019 nhưng cũng không thực hiện. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn khai chỉ vay 20.000.000 đồng của bà Trần Thị T (mẹ anh Q), thời gian không nhớ cụ thể; Số tiền 181.000.000đ ghi trong hợp đồng nêu trên là bao gồm tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi tính 4.000đ/1.000.000đ/ngày từ trước năm 2019 đến ngày 19/3/2019 nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, tại bản tự khai của bà T không thừa nhận việc vay tiền như bị đơn trình bày. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 181.000.000đ là có căn cứ và hợp pháp. Về lãi suất trong hạn: Trong hợp đồng ghi “mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp

luật Việt Nam tại thời điểm cho vay. Tiền lãi được trả hàng tháng đúng vào ngày thứ 30 kể từ ngày vay hoặc trả lãi 1 lần”, tức là các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất xác định là 10%/năm. Thời hạn vay theo hợp đồng là 90 ngày, từ ngày 19/3/2019 đến ngày 19/6/2019. Như vậy, tiền lãi trong hạn là 4.525.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi trong hạn theo lãi suất 1,6%/tháng tương ứng số tiền 8.688.000 đồng là không có căn cứ, không được chấp nhận. Kể từ ngày 20/6/2019 chuyển sang nợ quá hạn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn 15%/năm là có căn cứ, phù hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tính từ ngày 20/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/4/2021 là 21 tháng 19 ngày là 48.945.000 đồng. Căn cứ điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc C phải thanh toán cho nguyên đơn ông Dương Quyền Q số tiền gốc 181.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 4.525.000 đồng, tiền lãi quá hạn 48.945.000 đồng, tổng cộng là 234.470.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tổng cộng là 234.470.000 đồng được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị đơn phải chịu 11.723.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:*

**1.** Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc C phải thanh toán cho nguyên đơn ông Dương Quyền Q số tiền nợ gốc 181.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 4.525.000 đồng, nợ lãi quá hạn 48.945.000 đồng, tổng cộng là 234.470.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2. Về án phí:** Buộc ông Nguyễn Ngọc C phải chịu 11.723.000 đồng; ông Dương Quyền Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Dương Quyền Q được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.000.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001546 ngày 05 tháng 11 năm 2020. Trả lại cho ông Q 6.700.000 đồng.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Lê Thanh Huyền**

